

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 27/2019/TLST-VHNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1972.

Địa chỉ: đường Đ, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: đường T, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng

2. Ông Ngô Minh D, sinh năm 1976.

Địa chỉ: đường Đ, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Minh D và bà Nguyễn Thị Thu N trình bày ông, bà quen biết nhau năm 2005, sau khi tìm hiểu 01 năm thì ông bà tiến đến hôn nhân. Đến năm 2010, ông, bà có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/01/2010. Hôn nhân của ông, bà hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông, bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông, bà bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã do tính tình không còn phù hợp, bất đồng trong cách nuôi dạy con cái nên từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Mặc dù ông, bà đã nhiều lần trao đổi, tạo điều kiện cho nhau để khắc phục nhưng không đạt được kết quả. Ông, bà đã sống ly thân từ tháng 02/2018 cho đến nay. Nay ông, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của ông, bà. Xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa ông Ngô Minh D

và bà Nguyễn Thị Thu N đã đến mức trầm trọng, vợ chồng ông, bà đã sống ly thân từ tháng 02/2018 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Ngô Minh D và bà Nguyễn Thị Thu N.

[2]. Về con chung: Ông Ngô Minh D và bà Nguyễn Thị Thu N trình bày vợ chồng có 02 con chung tên Ngô Minh Phú T (nam), sinh ngày 02/8/2006 và Ngô Minh Phú Đ (nam) sinh ngày 15/4/2008. Sau khi ly hôn, ông Ngô Minh D và bà Nguyễn Thị Thu N thống nhất như sau:

Giao cháu Ngô Minh Phú T (nam), sinh ngày 02/8/2006 và Ngô Minh Phú Đ (nam), sinh ngày 15/4/2008 cho ông Ngô Minh D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Ngô Minh D và bà Nguyễn Thị Thu N thống nhất bà Nguyễn Thị Thu N không cấp dưỡng cho cháu T và cháu Đ.

Xét thấy, việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của ông bà phù hợp với pháp luật, đảm bảo quyền lợi của các bên và phù hợp với Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị Thu N có quyền, nghĩa vụ thăm nom Ngô Minh Phú T (nam), sinh ngày 02/8/2006 và Ngô Minh Phú Đ (nam), sinh ngày 15/4/2008 mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung: Ông Ngô Minh D và bà Nguyễn Thị Thu N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Ông Ngô Minh D và bà Nguyễn Thị Thu N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Ông Ngô Minh D và bà Nguyễn Thị Thu N mỗi người đồng ý chịu số tiền 150.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận của ông bà phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Minh D và bà Nguyễn Thị Thu N thuận tình ly hôn;

- Về con chung: Sau khi ly hôn, ông Ngô Minh D và bà Nguyễn Thị Thu N thống nhất như sau:

Giao cháu Ngô Minh Phú T (nam), sinh ngày 02/8/2006 và Ngô Minh Phú Đ (nam), sinh ngày 15/4/2008 cho ông Ngô Minh D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Ngô Minh D và bà Nguyễn Thị Thu N thống nhất bà Nguyễn Thị Thu N không cấp dưỡng cho cháu T và cháu Đ.

Bà Nguyễn Thị Thu N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu Ngô Minh Phú T (nam), sinh ngày 02/8/2006 và Ngô Minh Phú Đ (nam), sinh ngày 15/4/2008 mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Ông Ngô Minh D và bà Nguyễn Thị Thu N trình bày không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Ngô Minh D và bà Nguyễn Thị Thu N trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Minh D và bà Nguyễn Thị Thu N mỗi người đồng ý chịu là 150.000 đồng. Nhưng được trừ tiền tạm ứng lệ phí do ông Ngô Minh D và bà Nguyễn Thị Thu N đã nộp theo biên lai thu số **0007331 và 0007332** cùng ngày **15/3/2019** của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Ông Ngô Minh D và bà Nguyễn Thị Thu N đã nộp xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Phan Thanh Loan